TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2026/HC- PT
Ngày: 10 - 03 - 2026
V/v: "Khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với trường hợp xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long .
Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường
ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn; Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 95/2025/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2025 về *"Khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phuc hậu quả và cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với trường hợp xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai"*; do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2025/HC-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 291A/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1958; địa chỉ: thôn S, xã P, huyện T, Ninh Thuận (nay là thôn S, xã P, tỉnh Khánh Hòa).

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị L, sinh năm: 1983; địa chỉ: thôn B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là thôn B, xã B, thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Vũ Thanh Q - Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số B đường T, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B đường T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND xã P, tỉnh Khánh Hoà là ông Trần Ngọc B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND xã P, tỉnh Khánh Hoà là ông Trần Ngọc B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Công ty Cổ phần C3 (Trước đây là Công ty cổ phần M).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Ngọc H - Phó tổng Giám đốc công ty Cổ phần C3; địa chỉ: thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1956 (đã chết).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông C*:* ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1978; ông Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1990; ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1992; ông Nguyễn Văn B1, sinh năm: 1995; bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1980; bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1984; bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1987. Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T và ông Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện T (nay là thôn V, xã P, tỉnh Khánh Hòa).

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắc như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2023, đơn khởi kiện bổ sung và bản tự khai ngày cùng 18/10/2024 của bà Nguyễn Thị Đ *và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện trình bày:*

Cha bà Nguyễn Thị Đ là ông Nguyễn Văn X1 làm nghề bám biển, khai hoang được khoảng 03 ha đất tại thôn S, xã P. Ông X1 trồng cây dương, đào giếng, làm nhà ở để làm lưới rùng và nuôi rong sụn. Đến khi bà Đ có chồng, ông X1 giao lại đất cho vợ chồng bà Đ tiếp tục làm ăn, sinh sống. Năm 1990, vợ chồng bà Đ khai hoang thêm khoảng 7000 m^2 đất tại khu vực tục danh Đ thuộc thôn S, xã P. Từ đó đến nay trên đất có trồng 06 cây dương lớn, 14 cây dương nhỏ, 62 cây mãng cầu, 138 cây xoang (có 06 cây xoang lớn) và 26 cây dừa. Xung quanh đất có trụ rào bằng gỗ, lưới B40. Vợ chồng bà Đ làm nhà trụ bằng gỗ, lợp mái tôn nhôm, xây hộc làm giường, nền lót gạch men. Nhà gồm có 1 phòng thờ, 1 phòng ngủ, 1 phòng bếp, bên ngoài có thêm nhà vệ sinh. Vợ chồng bà Đ làm một cái giếng đóng nước cho tiện sinh hoạt. Tại đây, chồng bà Đ là ông Nguyễn Văn C đi biển, bà Đ ở nhà giữ xe cho người dân xuống đi biển và bán tạp hoá, khi ghe vào hay mọi người đi biển lên thì bà Đ mua hải sản và đi bán. Tất cả mọi người xuống khu vực tục danh Đá Lớn đều biết có vợ chồng già bán tạp hoá, giữ xe là nhà của vợ chồng bà Đ.

Khi thực hiện dự án E, gia đình bà Đ không nhận được thông báo nào từ phía chính quyền địa phương cũng như từ nhà đầu tư dự án. Gia đình bà Đ trực tiếp khai hoang, canh tác, sinh sống tới nay đã 34 năm nhưng Nhà nước cho là bà Đ lấn, chiếm đất là sai với thực tế. Từ năm 1990 cho đến nay, bà Đ chưa nhận biên bản vi phạm hành chính nào cho rằng việc bà lấn, chiếm đất. Đây là đất của bà Đ và mọi người ở thôn S đều biết đất là của bà.

Bà Đ có nhận được Quyết định số 709/QĐ-KPHQ ngày 16/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Yêu cầu bà Đ khôi phục lại đất trước khi vi phạm và trả 2.254 m^2 đất. Quyết định này được ban hành không đúng pháp luật vì bản thân bà Đ từ lúc khai hoang đất năm 1990 cho đến nay chưa có cơ quan Nhà nước nào cho rằng bà vi phạm đất đai. Ngày 15/4/2024, bà Đ có nhận Quyết định số 651/QĐ-CCXP ngày 08/04/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Bà Đ có đơn kiến nghị đến UBND huyện T và UBND xã P với nội dung chờ Tòa án giải quyết và ông C bệnh nặng nằm tại bệnh viện tỉnh, việc thi hành cưỡng chế là không phù hợp. Từ khi có đơn kiến nghị đến nay thì chưa có buổi làm việc nào. Ngày 20/6/2024, UBND xã P đã tổ chức cưỡng chế tài sản của bà Đ để giao cho Công ty Cổ phần C3 thực hiện dự án là không đúng với quy định của pháp luật đất đai năm 1993, 2013.

Do đó, bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy Quyết định số: 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

+ Hủy Quyết định số: 651/QĐ-CCXP ngày 08/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện T cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- *Người bị kiện là Chủ tịch* Ủy ban nhân dân huyện T*, do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp - ông* Trần Mạnh C2 *trình bày:*

1. Về yêu cầu hủy Quyết định số 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T buộc thực hiện biện pháp khắc phúc hậu quả:

Ngày 30/8/2019, UBND xã P tiến hành kiểm tra hiện trạng đất tại địa bàn thôn S, xã P. Tại thời điểm kiểm tra, UBND xã P phát hiện bà Đ đang thực hiện hành vi chiếm diện tích khoảng 2.000 m² đất tại khu vực có tục danh Đá Lớn, thuộc thôn S, xã P. Hiện trạng: Bà Đ đã xây dựng 01 chòi tạm diện tích khoảng 23,18 m² (kích thước 6,1 m x 3,8 m) kết cấu nền xi măng, mái tole kẽm, khung cây vách bạt và trồng thêm một số cây lâu năm như N, Phi lao, Mãng cầu, X2... diện tích chiếm nêu trên đã được bà Đ vây lại bằng hàng rào có trụ gỗ và bao vây bằng dây kẽm. Đồng thời, UBND xã P yêu cầu bà Đ dừng ngay hành vi chiếm đất do UBND xã P quản lý, tự giác tháo dỡ chòi tạm, di chuyển các cây trồng trên đất chiếm vi phạm.

Ngày 03/12/2021, UBND xã P tiếp tục tổ chức kiểm tra tại khu vực trên, tại thời điểm kiểm tra chòi tạm, cây trồng của bà Đ vẫn còn tồn tại trên đất. UBND xã P cũng đã tổ chức đo đạc và xác định diện tích đất bà Đ chiếm là 2.254 m².

Ngày 13/12/2021, UBND xã P tổ chức làm việc với bà Đ để xác minh hành vi vi phạm. Tại buổi làm việc, bà Đ thừa nhận đang sử dụng diện tích 2.254 m² để xây dựng chòi tạm và trồng cây. UBND xã P đã giải thích, vận động đề nghị bà Đ tự giác tháo dỡ chòi tạm, di chuyển cây trồng ra khỏi đất, trả lại đất vi phạm cho UBND xã P quản lý theo quy định nhưng bà Đ không chấp hành. Do vậy, UBND xã P đã lập biên bản vi phạm hành chính số 142/BB-VPHC lập ngày 13/12/2021 đối với hành vi chiếm đất của bà Đ. Tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm của bà Đ (ngày 30/8/2019) đến ngày lập Biên bản vi phạm hành chính (ngày 13/12/2021) đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Việc xử lý hành vi vi phạm của bà Đ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ: "*Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn thì hình thức và mức xử phạt như sau::... c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm từ 0,1 héc ta đến dưới 0,5 héc ta"* và áp dụng biện pháp khắc phục

hậu quả theo điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ: *"Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều này và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; trừ trường hợp trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này"* thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T4 quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Do vậy, UBND xã P chuyển hồ sơ vi phạm hành chính của bà Đ cho Chủ tịch UBND huyện T xử lý theo quy định. Trong đó, UBND xã P xác định:

Đối tượng vi phạm: Cá nhân, cụ thể là bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958. Nơi ở hiện tại: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Nghề nghiệp: Nội trợ.

Hành vi vi phạm: Chiếm đất chưa sử dụng do Ủy ban nhân dân xã P quản lý với diện tích 2.254 m² (thửa đất năm ngoài khu đo Bản đồ địa chính xã) thuộc thôn S, xã P, huyện T.

Vi phạm tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Lý do không ban hành quyết định xử phạt: Đã hết thời hạn xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) nhưng đủ điều kiện ban hành quyết định khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 2 điều này.

Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều này và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; trừ trường hợp trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Từ các cơ sở trên, việc UBND xã P trình tham mưu Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục đối với Nguyễn Thị Đ là đúng hành vi vi phạm tại điểm c khoản 1 Điều 14; đúng thẩm quyền quy định tại định tại điểm đ khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; đúng trình tự thủ tục xử phạt quy định tại khoản 2 Điều 57, Điều 58 và điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

2. Về yêu cầu hủy Quyết định số 651/QĐ-CCXP ngày 08/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện T cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả:

Thực hiện khoản 2 Điều 3 của Quyết định số 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T. Ngày 19/5/2023, UBND xã P đã tống đạt Quyết định số 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T cho bà Đ nhưng bà Đ không nhận. Đến ngày 14/3/2024, UBND xã P đã tổ chức đối thoại vận động, tuyên truyền bà Đ tự giác tháo dỡ và trả lại diện tích đất đã chiếm nhưng bà Đ không chấp hành. Theo khoản 5 Điều 1 Quyết định số 709/QĐ- KPHQ ngày 16/5/2023 "Thời gian thực hiện 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này (bà Đ đã biết nội dung Quyết định)". Tuy nhiên, tại thời điểm này, bà Đ vẫn không tự giác chấp hành thực hiện theo Quyết định số 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023.

Để đảm bảo thi hành Quyết định số 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T, UBND xã P đề xuất Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 28/3/2024. Đồng thời, UBND xã P xây dựng Phương án số 03/PA-UBND ngày 12/6/2024 tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị Đ tại khu vực đồi cát (Đ) thuộc thôn S, xã P và tổ chức thực hiện cưỡng chế đối với bà Đ theo quy định pháp luật.

Từ các cơ sở trên, việc UBND xã P trình tham mưu Chủ tịch UBND huyện ban hành các Quyết Số 651/QĐ-CCXP ngày 08/4/2024 Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Đ được thực hiện đảm bảo nhiệm vụ được Chủ tịch UBND huyện giao tại khoản 2 Điều 3, đúng các biện pháp khắc phục hậu quả tại khoản 4 Điều 1 và đúng nội dung, đúng người vi phạm tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 651/QĐ-CCXP ngày 08/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện; đảm bảo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 33, 34 và 35 Mục 5 "*Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*" tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ và tổ chức thi hành đảm bảo quy định tại Điều 86, Điều 87 và Điều 88 của Luật xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Do vậy, Chủ tịch UBND huyện T không đồng ý hủy Quyết định số 651/QĐ-CCXP ngày 08/4/2024 và Quyết định số 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là* UBND xã P*, do người đại diện theo ủy quyền - ông* Nguyễn Trọng H1 *trình bày:*

Thửa đất bà Nguyễn Thị Đ đang khởi kiện có diện tích 2.254 m^2 là đất chưa sử dụng, nằm ngoài khu đo đạc của Bản đồ địa chính, sổ mục kê, sổ địa chính và

các sổ đăng ký đất đai khác không ghi nhận thông tin người sử dụng đất. Ngoài ra bà Nguyễn Thị Đ không cung cấp được bất cứ giấy tờ liên quan được quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013.

Ngày 30/8/2019, UBND xã P tiến hành kiểm tra hiện trạng đất tại địa bàn thôn S, xã P. Tại thời điểm kiểm tra, UBND xã P phát hiện bà Đ đang thực hiện hành vi chiếm diện tích khoảng 2.000 m² đất tại khu vực có tục danh Đá Lớn, thuộc thôn S, xã P. UBND xã P đã yêu cầu bà Đ dừng ngay hành vi chiếm đất do UBND xã P quản lý. Ngày 03/12/2021, UBND xã P tiếp tục tổ chức kiểm tra tại khu vực trên, tại thời điểm kiểm tra chòi tạm, cây trồng của bà Đ vẫn còn tồn tại trên đất.

Ngày 13/12/2021, UBND xã P tổ chức làm việc với bà Đ để xác minh hành vi vi phạm. Tại buổi làm việc, bà Đ thừa nhận đang sử dụng diện tích 2.254 m² để xây dựng chòi tạm và trồng cây. UBND xã P giải thích, vận động bà Đ tự giác tháo dỡ chòi tạm, di chuyển cây trồng ra khỏi đất, trả lại đất vi phạm cho UBND xã P quản lý theo quy định nhưng bà Đ không chấp hành. Do vậy, UBND xã P đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi chiếm đất của bà Đ.

Tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm của bà Đ đến ngày lập Biên bản vi phạm hành chính đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Theo theo điểm c khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Việc xử lý hành vi vi phạm của bà Đ thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. Do vậy, UBND xã P chuyển hồ sơ vi phạm hành chính của bà Đ, tham mưu Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023.

Đến ngày 14/3/2024, UBND xã P đã tổ chức đối thoại vận động, tuyên truyền bà Đ tự giác tháo dỡ và trả lại diện tích đất đã chiếm nhưng bà Đ không chấp hành. Để đảm bảo thi hành Quyết định số 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T, UBND xã P đề xuất Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền. Đồng thời, UBND xã P xây dựng Phương án tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Đ tại khu vực đồi cát (Đ) thuộc thôn S, xã P và tổ chức thực hiện cưỡng chế đối với bà Đ theo quy định pháp luật. UBND xã P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần C3*, do người đại diện theo ủy quyền - Ông* Nguyễn Ngọc H *trình bày:*

Công ty Cổ phần C3 đã được UBND tỉnh N cho thuê đất theo Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 về việc thu hồi và cho Công ty C3 thuê đất (Đợt

1) tại xã P, huyện T để thực hiện Dự án khu du lịch Mũi Dinh E với diện tích đất là 3.080.600 m^2 và giảm diện tích đất thuê tại Quyết định số 345/QĐ-UBND theo Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của UBND tỉnh N. Vì vậy, phần đất của bà Đ đang khiếu kiện có một phần diện tích lấn chiếm khoản 30 m^2 nằm trong phạm vi thi công đường công vụ của dự án và phần còn lại là đất do UBND xã P quản lý.

Qua hồ sơ cho thấy, UBND xã P đã nhiều lần mời bà Nguyễn L1 làm việc, giải thích vận động bà Đ tự giác tháo dỡ chòi tạm, di chuyển cây trồng khỏi đất vi phạm nhưng bà Đ không hợp tác. Tại thời điểm khiếu kiện, phần diện tích đất bà Đ bao chiếm không có bất cứ căn cứ nào chứng nhận về quyền sử dụng đất hoặc chứng nhận đất khai hoang, canh tác trước thời điểm năm 1997. Bà Đ không có bất kỳ căn cứ nào để chứng minh bà có quyền sử dụng đất hợp pháp. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

- *Những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông* Nguyễn Văn C *là* ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn B1, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị T2 không có văn bản ý kiến, đều vắng mặt không có lý do.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2025/HC-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà) đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204 và Điều 206 của Luật tố tụng hành chính;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 38, Điều 85, 86, 87 và Điều 88 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

- Căn cứ vào điểm a khoản 7 Điều 14; điểm đ khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Căn cứ vào Điều 6, 33, 34 và Điều 35 của Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Căn cứ vào Điều 12 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc:

- Hủy Quyết định số: 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số: 651/QĐ-CCXP ngày 08/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 01/6/2025, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:

Người đại diện của người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo. Trình bày ý kiến là diện tích đất 7000m^2 tại tục danh Đá Lớn thôn S xã P do bà Đ đang canh tác sử dụng đã được khai hoang từ năm 1990; từ đó đến nay có trồng 06 cây Dương liễu lớn, 14 cây Dương liễu nhỏ, 62 cây Mãng cầu, 138 Cây Xoan, 26 cây Dừa. Vợ chồng bà Đ đã làm nhà, trụ nhà bằng gỗ, lợp mái tôn, nền lát gạch men, có nhà vệ sinh, giếng nước. Bà Đ ở đây giữ xe cho người dân xuống biển. Đất này khai hoang phù hợp với Luật đất đai năm 1993, 2003 và 2013; nhà nước thừa nhận quyền sử dụng đối với những người có công khai hoang.

Ý kiến của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và các bên đương sự đều được đảm bảo, phù hợp với các quy định của pháp luật. Xem xét kháng cáo của người khởi kiện thì thấy bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện:

Người khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định số 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định 651/QĐ-CCXP ngày 08/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

[2] Xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023:

Thửa đất bà Nguyễn Thị Đ bị cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả có diện tích 2.254 m^2 tại khu vực có tục danh Đá Lớn, thuộc thôn S là đất

chưa sử dụng, nằm ngoài khu đo đạc của Bản đồ địa chính, sổ mục kê, sổ địa chính. Các Sổ đăng ký đất đai không ghi nhận thông tin bà Nguyễn Thị Đ là người sử dụng đất. Bà Đ cũng không cung cấp được bất cứ giấy tờ gì về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; cũng như không chứng minh được việc sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 của Luật đất đai năm 2013 và Điều 20 Nghị định số 43/2014 ngày 15/5/2024 của Chính phủ.

Ngày 30/8/2019, UBND xã P tiến hành kiểm tra hiện trạng, phát hiện bà Đ có hành vi chiếm đất tại khu vực có tục danh Đ, thuộc thôn S do UBND xã P quản lý. Ngày 03/12/2021, UBND xã P tiếp tục tổ chức kiểm tra tại khu vực trên thì chòi tạm và cây trồng của bà Đ vẫn còn tồn tại trên đất. Ngày 13/12/2021, UBND xã P tổ chức làm việc với bà Đ để xác minh hành vi vi phạm. Tại buổi làm việc, bà Đ thừa nhận đang sử dụng diện tích 2.254 m² để xây dựng chòi tạm và trồng cây. UBND xã P vận động bà Đ tự giác tháo dỡ chòi tạm, di chuyển cây trồng ra khỏi đất, trả lại đất cho UBND xã P quản lý nhưng bà Đ không chấp hành. Vì vậy, UBND xã P đã lập biên bản vi phạm hành chính số 142/BB-VPHC ngày 13/12/2021 đối với hành vi chiếm đất của bà Đ là đúng pháp luật.

Tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm cho đến ngày lập Biên bản vi phạm hành chính đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nhưng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) đủ điều kiện ban hành quyết định khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Việc xử lý hành vi vi phạm của bà Đ thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. Do vậy, UBND xã P chuyển hồ sơ vi phạm hành chính của bà Đ để Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023 buộc bà Đ thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: *Khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích 2.254 m² đã chiếm là có căn cứ pháp luật.*

Do đó, bà Đ yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là không có cơ sở chấp nhận. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện này của bà Đ là có căn cứ.

[3] Xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 651/QĐ-CCXP ngày 08/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện T:

Ngày 19/5/2023, UBND xã P đã tống đạt Quyết định số 709/QĐ-KPHQ ngày 16/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T, nhưng bà Đ không nhận. Đến ngày 14/3/2024, UBND xã P tổ chức đối thoại vận động bà Đ tự giác tháo dỡ và trả lại diện tích đất đã chiếm nhưng bà Đ không chấp hành. Theo khoản 5 Điều 1 của

Quyết định số 709/QĐ-KPHQ nêu trên thì thời gian thực hiện là 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định. Bà Đ đã được tống đạt nên đương nhiên đã biết được nội dung Quyết định này nhưng vẫn không chấp hành. Chủ tịch UBND huyện T đã căn cứ Điều 33, 34 và 35 của Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính để ban hành Quyết định số 651/QĐ-CCXP ngày 08/4/2024 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Đ là đúng quy định. Đồng thời, UBND xã P xây dựng Phương án số 03/PA-UBND ngày 12/6/2024 tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị Đ tại khu vực đồi cát (Đ) thuộc thôn S, xã P là đảm bảo quy định tại Điều 86, 87 và Điều 88 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Bản án sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 651/QĐ-CCXP ngày 08/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ.

[4] Về chi phí tố tụng: do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ không được chấp nhận; vì vậy, bà Đ phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và trích lục bản đồ địa chính với số tiền là 6.756.900 đồng. Bà Đ đã nộp đủ chi phí tố tụng.

[5] Về án phí hành chính: bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2025/HC-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà).

2. Về án phí phúc thẩm: áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Nguyễn Thị Đ được miễn án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Vụ IV-TAND tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà
- VKSND tỉnh Khánh Hoà
- THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Long